TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 98/2026/QĐST-DS	*Tuyên Quang, ngày 15 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 211/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025, về việc "Chia tài sản sau khi ly hôn".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nông Thị H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ A, thôn H, xã T, tỉnh Tuyên Quang. *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1964. Địa chỉ: TDP A N, phường H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Ngọc S, sinh năm 1957. Địa chỉ: Tổ A, thôn H, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Đán Thị T1, sinh năm 1947. Địa chỉ: Tổ A, thôn H, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tài sản chung:

+ Nhà thứ nhất: Nhà cấp III, 02 tầng, cột móng, dầm sàn, khung bê tông cốt thép, tường gạch chỉ + gạch không nung 110, tầng 1 đổ bê tông cốt thép, nền lát gạch men liên doanh, xây dựng năm 2014. Diện tích xây dựng 165,4m2. Trị giá: 352.167.286 đồng.

+ Nhà thứ hai: Nhà xây cấp IV nhà lợp mái, móng xây đá hộc, tường xây gạch không nung 110, xà gỗ, mái lập proximang + tôn thường, nền láng xi măng, xây dựng năm 2004, có diện tích xây dựng 56.68m2. Trị giá: 28.209.925 đồng.

+ Nhà thứ ba: Nhà bếp, móng xây đá hộc, tường xây gạch không nung 110, xà gỗ, mái lập proximang, nền láng xi măng, xây dựng năm 2022. Diện tích xây dựng 23.8m2. Trị giá: 94.763.051 đồng.

+ Nhà thứ tư: Nhà vệ sinh, móng xây đá hộc, tường xây gạch không nung 110, mái đổ bê tông cốt thép, nền lát gạch men liên doanh, xây dựng năm 2008, diện tích xây dựng 7.0m2. Trị giá: 2.088.355 đồng.

+ Nhà thứ năm: Chuồng gà, móng xây đá hộc, tường xây gạch không nung 110, xà gỗ, mái lợp proximang, xây dựng năm 2018, diện tích 41.7m2. Trị giá: 1.119.503 đồng.

+ Bán mái phần phía trước nhà cấp III: Cột vì kèo, xà gồ thép định hình, mới lợp tôn cách nhiệt, nền láng vữa xi măng, xây dựng năm 2014, diện tích 26.75m2. Trị giá: 4.725.672 đồng.

+ Mái trống nóng: Cột vì kèo, xà gỗ thép định hình, mái lợp tôn thường, tường bao xây gạch không nung 110 kết hợp lưới thép bao, xây dựng năm 2014, diện tích 43.78m2. Trị giá: 8.049.096 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 491.122.888 đồng.

Thỏa thuận, ông Phạm Ngọc S được hưởng 276.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng)* giá trị tài sản chung. Bà Nông Thị H được hưởng 215.122.888đ *(Hai trăm mười lăm triệu một trăm hai mươi hai nghìn tám trăm tám mươi tám đồng)* giá trị tài sản chung.

Bà Nông Thị H được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ số tài sản chung nêu trên và có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Ngọc S số tiền là 276.000.000 đồng. Bà Nông Thị H có nghĩa vụ trả lại diện tích đất đã mượn để làm nhà cho bà Đán Thị T1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Về chi phí tố tụng: Bà Nông Thị H tự nguyện chịu toàn bộ tiền Xem xét thẩm định tại chỗ và Định giá tài sản là 2.650.000đ *(Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng),* bà H đã thi hành xong.

- Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Bà Nông Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm có giá ngạch là 5.378.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* bà H đã nộp theo biên lai thu số 0001711 ngày 11/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Bà H còn phải thi hành số tiền 378.000đ *(Ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng)* còn thiếu.

+ Ông Phạm Ngọc S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm có giá ngạch là 6.900.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Phúc